TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST.
Ngày 19/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Huỳnh Văn Đương.

Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Đẳng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST - HS, ngày 11 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/10/1986, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; vợ tên Trà Mỹ H, sinh năm 1997; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020; anh, chị, em ruột gồm có 03 người kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Bà Lê Thị Mộng T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1969. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1955. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng trú: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3 Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978. Vắng mặt không có lý do.

4 Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1976. Vắng mặt không có lý do.

5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1968. Vắng mặt không có lý do.

6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

7. Chị Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1984. Vắng mặt không có lý do.

8. Chị Trà Mỹ H2, sinh năm 1992. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9. Chị Dư Thị Thu H3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

10. Chị Hà Thị Hồng D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

11. Chị Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1974. Địa chỉ: số A, đường P, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

12. Anh Nguyễn Quốc H4, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

13. Chị Trà Mỹ H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

14. Chị Võ Thị L3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

15. Chị Đặng Thị H5, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn T đứng ra làm đầu thảo tổ chức nhiều dây hụi tháng có giá trị từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho các hụi viên tham gia để hưởng tiền huê hồng. Quá trình làm đầu thảo hụi diễn ra trong thời gian dài, giai đoạn đầu bị cáo Nguyễn Văn T tổ chức khui hụi, giao tiền hụi đầy đủ đúng hạn.

Đến năm 2020, một số hụi viên tham gia chơi hụi đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết dẫn đến bị cáo Nguyễn Văn T mất cân đối về tài chính. Để có tiền choàng hụi và tiêu xài cá nhân, bị cáo mới nảy sinh ý định lấy tên một số hụi viên tham gia trong các dây hụi để hốt, chiếm đoạt tiền của các hụi viên. Đến tháng 6 năm 2022, do không còn khả năng thanh toán tiền cho các hụi viên, bị cáo ngưng khui hụi và hứa trả dần nhưng bị cáo Nguyễn Văn T không thực hiện, các hụi viên có đơn tố giác bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra xác định dây hụi tháng 5.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 31/10/2020 dương lịch) 18 người tham gia, có 20 phần hụi (bị cáo tham gia 02 phần), mỗi tháng khui hụi một lần, thỏa thuận 20 kỳ mãn hụi. Dây hụi này đã khui đến kỳ thứ 20 mãn hụi. Trong 20 kỳ khui hụi thì có 18 phần hốt thật ở 18 kỳ, còn 02 kỳ khui hụi là bị cáo Nguyễn Văn T tự ý lấy tên của 02 hụi viên hốt 02 phần hụi chiếm đoạt tổng số tiền là 70.750.000 đồng cụ thể như sau:

- *Tại kỳ khui hụi thứ 5 trong dây hụi:* Bị cáo tự ý lấy tên hụi viên "Chị M" (tên thật Lê Thị Mộng T2, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) bỏ thâm phần hụi này số tiền 1.400.000 đồng, bị cáo hốt được số tiền 64.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo sử dụng vào việc choàng hụi cho các hụi viên số tiền 44.650.000 đồng, số tiền còn lại 19.350.000 đồng bị cáo tiêu xài hết.

- *Tại kỳ khui hụi thứ 14 trong dây hụi:* Bị cáo tự ý lấy tên hụi viên "Chị 3 Kề" (tên thật Nguyễn Thị K, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) bỏ thâm phần hụi này số tiền 1.450.000 đồng, bị cáo hốt được số tiền 73.400.000 đồng. Số tiền này bị cáo dùng vào việc choàng hụi cho các hụi viên số tiền 22.000.000 đồng, số tiền còn lại 51.400.000 đồng bị cáo tiêu xài hết.

Như vậy, sau khi tự ý lấy tên 02 hụi viên kêu hốt 02 phần hụi được tổng số tiền 137.400.000 đồng, bị cáo đã choàng 03 phần hụi với số tiền 66.650.000 đồng (trong đó: bị cáo choàng lại 02 phần hụi mà bị cáo đã lấy tên hụi viên hốt và 01 phần hụi của hụi viên đã hốt nhưng không đóng hụi chết cho bị cáo), còn lại số tiền 70.750.000 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo đã chiếm đoạt.

Quá trình làm việc bị hại bà Lê Thị Mộng T2 xác nhận: Bà tham gia 02 phần hụi trong dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 15/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 31/10/2020 dương lịch) do bị cáo làm đầu thảo.

- Phần thứ nhất bà đóng được 17 kỳ hụi sống, đến kỳ thứ 18 bà kêu hốt được số tiền 90.100.000 đồng, sau khi trừ tiền nợ với bị cáo và đóng 02 kỳ hụi chết, bà T2 còn nhận số tiền 65.000.000 đồng, nhưng đến nay bị cáo T chưa giao tiền hụi cho bà.

- Phần thứ hai đóng được 19 kỳ hụi sống, đến kỳ thứ 20 bà T2 hốt hụi chót được số tiền 92.500.000 đồng nhưng đến nay bị cáo T chưa giao tiền hụi cho bà.

Việc bị cáo Nguyễn Văn T tự ý lấy tên của bà để hốt một phần hụi của bà tại kỳ thứ 5 trong dây hụi này thì bà hoàn toàn không biết.

Quá trình làm việc bị hại bà Nguyễn Thị K xác nhận: Bà tham gia 01 phần hụi trong dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 15/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 31/10/2020 dương lịch) do bị cáo T làm đầu thảo: Bà đóng được 19 kỳ hụi sống, đến kỳ thứ 20 bà hốt hụi chót được số tiền 92.500.000 đồng nhưng đến nay bị cáo T chưa giao tiền hụi cho bà.

Việc bị cáo Nguyễn Văn T tự ý lấy tên của bà để hốt 01 phần hụi tại kỳ thứ 14 trong dây hụi này thì bà hoàn toàn không biết.

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra, là phù hợp với lời trình bày của bị hại, những người có liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã có hành vi gian dối, tự ý lấy tên hụi viên trong dây hụi để hốt 02 phần hụi chiếm đoạt số tiền 70.750.000 đồng của 02 bị hại.

Ngày 12/4/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo để phục vụ công tác điều tra.

Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra bà T2 yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền 157.500.000 đồng bao gồm số tiền đã chiếm đoạt và tiền hụi đã hốt nhưng bị cáo chưa giao. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 19.350.000 đồng, số tiền còn lại 138.150.000 đồng là giao dịch dân sự sẽ giành cho bà T2 một vụ kiện dân sự khác nếu bà có yêu cầu.

- Đối với bà Nguyễn Thị K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 75.500.000 đồng, tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà K là 51.400.000 đồng, số tiền còn lại 24.100.000 đồng là giao dịch dân sự sẽ giành cho bà K một vụ kiện dân sự khác nếu bà có yêu cầu.

Đối với những người có liên quan trong dây hụi yêu cầu bị cáo trả lại số tiền hụi đã hốt nhưng bị cáo chưa giao tiền sẽ giành cho các đương sự một vụ kiện dân sự khác.

Đối với 06 dây hụi chưa kết thúc (chưa mãn) còn lại gồm:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng khui ngày 10/11/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2020 dương lịch) có 18 người tham gia 20 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 18 thì ngừng hụi.

- Dây hụi tháng 2.000.000đ khui ngày 15/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 26/02/2021 dương lịch) có 20 người tham gia 26 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 16 thì ngừng hụi.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 20/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2021 dương lịch) có 20 người tham gia 22 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 16 thì ngừng hụi.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 05/02/2021 âm lịch (nhằm ngày 17/3/2021 dương lịch) có 18 người tham gia 20 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 14, đến kỳ 15 ngừng hụi.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng khui ngày 05/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 16/4/2021 dương lịch) có 17 người tham gia 20 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 14 thì ngừng hụi.

- Dây hụi tháng 3.000.000đ khui ngày 10/5/2021 âm lịch (nhằm ngày 19/6/2021 dương lịch) có 14 người tham gia 22 phần hụi, dây hụi này khui xong kỳ thứ 12 thì ngừng hụi.

Các dây hụi này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chứng minh bị cáo T không có chiếm đoạt tiền của hụi viên, hụi viên tham gia chơi hụi là có thật, hụi viên kêu hốt hụi là có thật, hụi viên kêu chầu phần hụi là có thật. Xác định các dây hụi này là phát sinh từ giao dịch dân sự, nếu hụi viên và người có liên quan có yêu cầu giải quyết sẽ giành cho một vụ kiện dân sự khác.

- Đối với đơn tố giác của bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976, tố giác Trà Mỹ H, sinh năm 1997 (vợ bị cáo T) đưa ra thông tin gian dối chầu 02 phần hụi không có thật (hụi khống) trong 02 dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 12/7/2020 âm lịch và dây hụi tháng 1.000.000 đồng khui ngày 03/12/2020 âm lịch để chiếm đoạt số tiền 112.350.000 đồng. Quá trình điều tra, xác minh Trà Mỹ H và một số người có liên quan đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm việc được nên không đủ cơ sở để kết luận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quyết định tách hành vi của T H ra để tiếp tục kiểm tra, xác minh, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKS-HS, ngày 11/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại bà Lê Thị Mộng T2 trình bày: Việc bị cáo Nguyễn Văn T tự ý lấy tên của bà để hốt một phần hụi của bà tại kỳ thứ 5 trong dây hụi này thì bà hoàn toàn không biết việc này, bị cáo T chiếm đoạt số tiền là 19.350.000 đồng và đã trả được 10.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự bà yêu cầu bị cáo trả tiếp số tiền là 9.350.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị K trình bày: Việc bị cáo Nguyễn Văn T tự ý lấy tên của bà để hốt 01 phần hụi tại kỳ thứ 14 trong dây hụi này thì bà hoàn toàn không biết, bị cáo T chiếm đoạt số tiền 51.400.000 đồng và đã trả được 20.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự bà yêu cầu bị cáo trả tiếp số tiền 31.400.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đ đại diện cho cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bà Lê Thị Mộng T2 số tiền 9.350.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 31.400.000 đồng. Ngoài ra Kiểm sát

viên còn đề nghị buộc bị cáo nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi gian dối nhân danh bà T2 và bà K để hốt hụi nêu trên là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn T đứng ra tổ chức làm đầu thảo hụi nhiều dây hụi tháng tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho các hụi viên tham gia để hưởng tiền huê hồng. Đến năm 2020 do mất cân đối về tài chính, bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên bằng cách tự ý lấy 02 tên hụi viên trong dây hụi tháng 5.000.000 đồng khui ngày 15/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 31/10/2020 dương lịch) 18 người tham gia có 20 phần hụi (bị cáo tham gia 02 phần), mỗi tháng khui hụi một lần, thỏa thuận 20 kỳ mãn hụi. Dây hụi này đã khui đến kỳ thứ 20 mãn hụi. Trong 20 kỳ khui hụi thì có 18 phần hốt thật, còn 02 kỳ khui hụi bị cáo tự ý lấy tên của 02 hụi viên hốt 02 phần hụi cụ thể như sau:

- *Tại kỳ khui hụi thứ 5 trong dây hụi:* Bị cáo tự ý lấy tên hụi viên "Chị M" (tên thật Lê Thị Mộng T2, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) kêu ở phần hụi này số tiền 1.400.000 đồng, bị cáo hốt được số tiền 64.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo dùng vào việc choàng hụi số tiền 44.650.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 19.350.000 đồng.

- *Tại kỳ khui hụi thứ 14 trong dây hụi:* Bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên "Chị 3 Kề" (tên thật Nguyễn Thị K, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh) kêu ở phần hụi này số tiền 1.450.000 đồng, bị cáo hốt được số tiền 73.400.000 đồng. Số tiền này bị cáo dùng vào việc choàng hụi 22.000.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 51.400.000 đồng.

Như vậy, sau khi tự ý lấy tên 02 hụi viên kêu hốt 02 phần hụi được tổng số tiền 137.400.000 đồng, bị cáo đã choàng lại 03 phần hụi với số tiền 66.650.000 đồng (trong đó: Bị cáo choàng lại 02 phần hụi mà bị cáo đã lấy tên hụi viên hốt và 01 phần hụi của hụi viên đã hốt nhưng không đóng lại phần hụi chết cho bị cáo), số tiền còn lại 70.750.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã thực hiện hành vi gian dối nhân danh 02 hụi viên là bà T2 và bà K để hốt 02 phần hụi nêu trên chiếm đoạt số tiền 70.570.000 đồng là sai trái, là vi phạm pháp luật.

Từ những chứng cứ, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng vì muốn có tiền để trả nợ cho các hụi viên và tiêu xài cá nhân bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhân danh 02 hụi viên bà T2 và bà K để hốt hụi 02 phần hụi chiếm đoạt số tiền 70.570.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục một phần hậu quả cụ thể đã bồi thường cho bà K 20.000.000 đồng; bồi thường cho bà T2 10.000.000 đồng; người thân bị cáo có công cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Trong vụ án này, thông qua việc chơi hụi bị cáo với tư cách là đầu thảo, sau khi tổ chức khui hụi một thời gian bị cáo lâm vào hoàn cảnh khó khăn về tài chính, hụi viên hốt thì không đóng hụi chết từ đó bị cáo mới đưa ra thông tin gian dối nhân danh hụi viên bà T2, hụi viên bà K để bỏ thâm hốt 02 phần hụi chiếm đoạt số tiền 70.750.000 đồng trong khi đó bà T2 và bà K hoàn toàn không hay biết việc này. Cả 02 lần bị cáo T đưa ra thủ đoạn thông tin gian dối để hốt hụi số tiền chiếm đoạt đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà T2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 9.350.000 đồng, bà K yêu cầu bị cáo trả tiếp số tiền 31.400.000 đồng. Bị cáo T đồng ý trả lại số tiền mà các bị hại đã yêu cầu. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589, 590 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 31.400.000 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Mộng T2 số tiền 9.350.000 đồng (chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 2.037.500 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm